TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 24/2025/DS-ST
Ngày: 04/9/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Hội

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hồng Vinh;

2. Ông Thông Minh Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-DS ngày 18/8/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M – Tổng giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: 40-42-44 P, phường R, tỉnh K (trước đây là 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh K).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung V (theo quyết định ủy quyền số 275/QĐ-NHKL ngày 18/01/2023).

Địa chỉ: 283 H, phường M, tỉnh L (trước đây là số 283 H, phường M, thành phố P, tỉnh B).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Trung V (theo văn bản ủy quyền số 67C/QĐ-NHKL ngày 10/01/2025):

+ Ông Vương Hải L, sinh năm 1991;

+ Ông Lê Văn A, sinh năm 1992;

+ Ông Cao Quân T, sinh năm 2000. (có mặt) – chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Lô 55-65 T, phường H, tỉnh L.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Thôn D, xã H, tỉnh L (trước đây là thôn D, xã H, huyện N, tỉnh B). (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị R:

Ông Lê Thanh N, sinh năm 1990; (có mặt)

Ông Lê Trung N1, sinh năm 1992; (có mặt)

Ông Lê Quốc N2, sinh năm 1994; (có mặt)

Ông Lê Anh N3, sinh năm 1997. (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Thôn D, xã H, tỉnh L (trước đây là thôn D, xã H, huyện N, tỉnh B).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Phạm Quốc T1, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Khu phố 1, phường P, tỉnh L (trước đây là Khu phố 1, phường P, thành phố P, tỉnh B). (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

+ Ông Lê Thanh N, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn D, xã H, tỉnh L (trước đây là thôn D, xã H, huyện N, tỉnh B). (có mặt)

+ Ông Lê Giáp N4, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn S, xã H, tỉnh L (trước đây là Thôn S, xã H, huyện B, tỉnh B). (vắng mặt– có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Cao Quân T trình bày:

Ngày 11/5/2017, Ngân hàng K ký kết với bà Nguyễn Thị R hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc số 126/17/HĐNT/2502-6263. Ngày 20/6/2017, Ngân hàng K ký kết với bà Nguyễn Thị R hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 126/17/HĐNT/2502-6263-1; Ngày 28/11/2018 Ngân hàng K ký kết với bà Nguyễn Thị R hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 126/17/HĐNT/2502-6263-2; Ngày 23/4/2020 Ngân hàng K ký kết với bà Nguyễn Thị R hợp đồng tín dụng sửa đổi, bổ sung số 126/17/HĐNT/2502-6263-3. Dựa trên hợp đồng nguyên tắc và các hợp đồng sửa đổi bổ sung đã ký kết, Ngân hàng K đã ký kết và giải ngân cho bà Nguyễn Thị R 03 lần, cụ thể như sau:

Ngày 23/4/2020 Ngân hàng K ký kết với bà Nguyễn Thị R hợp đồng tín dụng từng lần số 386/20/HĐTD/2502-9031. Căn cứ hợp đồng ký kết, ngày 23/4/2020 Ngân hàng giải ngân cho bà Nguyễn Thị R vay số tiền 135.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng)*, lãi suất trong hạn thỏa thuận tại thời điểm vay là 13,1%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm. Thời

hạn vay là 12 tháng, đến hạn trả nợ là ngày 23/4/2021, lãi suất trả theo kỳ 03 tháng/ lần; nợ gốc trả cuối kỳ.

Ngày 23/4/2020 Ngân hàng K ký kết với bà Nguyễn Thị R hợp đồng tín dụng từng lần số 369/20/HĐTD/2502-9031. Căn cứ hợp đồng ký kết, ngày 23/4/2020 Ngân hàng giải ngân cho bà Nguyễn Thị R vay số tiền 380.000.000 đồng *(Ba trăm tám mươi triệu đồng)*, lãi suất trong hạn thỏa thuận tại thời điểm vay là 11,3%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng, đến hạn trả nợ là ngày 23/4/2021, lãi suất trả theo kỳ 06 tháng/ lần; nợ gốc trả cuối kỳ.

Ngày 23/4/2020 Ngân hàng K ký kết với bà Nguyễn Thị R hợp đồng tín dụng từng lần số 370/20/HĐTD/2502-9031. Căn cứ hợp đồng ký kết, ngày 23/4/2020 Ngân hàng giải ngân cho bà Nguyễn Thị R vay số tiền 285.000.000 đồng *(Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng)*, lãi suất trong hạn thỏa thuận tại thời điểm vay là 11,3%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng, đến hạn trả nợ là ngày 23/4/2021, lãi suất trả theo kỳ 06 tháng/ lần; nợ gốc trả cuối kỳ.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên bà Nguyễn Thị R có ký kết với Ngân hàng các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1017/18/HĐTC-BĐS/2502-7411 ngày 28/11/2018, thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 141, 142, tờ bản đồ số 26 (ĐC), diện tích 896 m^2 tọa lạc tại Thôn S, xã H, huyện B, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 659395 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 12/8/2010 đứng tên ông Lê Văn N5, bà Nguyễn Thị T2, đăng ký biến động sang tên ông Phạm Quốc T1 ngày 02/10/2018. Tài sản bảo đảm đã đăng ký thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 126/17/HĐTC-BĐS/2502-6263 ngày 11/5/2017, thế chấp cho ngân hàng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 102, diện tích 3.526 m^2 tọa lạc tại thôn D, xã H, huyện N, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 715879 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 02/12/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị R; thửa đất số 22, tờ bản đồ số 102, diện tích 2.945 m^2 tọa lạc tại thôn D, xã H, huyện N, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 715878 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 02/12/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị R. Tài sản bảo đảm đã đăng ký thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị R có trả tiền lãi cho ngân hàng đối với khoản vay hợp đồng tín dụng từng lần số 386/20/HĐTD/2502-9031 được một thời gian thì ngưng. Đối với 02 khoản vay còn lại, bà Rớt không thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng theo như thỏa thuận. Đến thời hạn trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà Nguyễn Thị R thanh toán nợ cho ngân hàng nhưng bà Nguyễn Thị R vẫn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng K yêu cầu giải quyết các vấn đề cụ thể sau:

1. Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng từng lần số 386/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020, số tiền tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 213.346.973 đồng *(Hai trăm mười ba triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng)*, trong đó: số tiền nợ gốc là 135.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng)*; tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 78.346.973 đồng *(Bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng)*; Kể từ ngày 05/9/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, bà Nguyễn Thị R còn phải chịu các khoản tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từng lần số 386/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020.

2. Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng từng lần số 369/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020 số tiền tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 692.230.446 đồng *(Sáu trăm chín mươi hai triệu hai trăm ba mươi nghìn bốn trăm bốn mươi sáu đồng)*, trong đó số tiền nợ gốc là 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng)*; tiền lãi trong hạn là 21.411.178 đồng *(Hai mươi mốt triệu bốn trăm mười một nghìn một trăm bảy mươi tám đồng)*; tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 281.462.877 đồng *(Hai trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng)* tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 9.356.392 đồng *(Chín triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi hai đồng)*. Kể từ ngày 05/9/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, bà Nguyễn Thị R còn phải chịu các khoản tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từng lần số 369/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020.

3. Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng từng lần số 370/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020 số tiền tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 519.172.835 đồng *(Năm trăm mười chín triệu một trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng)*, trong đó số tiền nợ gốc là 285.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng)*; tiền lãi trong hạn là 16.058.384 đồng *(Mười sáu triệu không trăm năm mươi tám nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng)*; tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 211.097.158 đồng *(Hai trăm mười một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn một trăm năm mươi tám đồng);* tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 7.017.294 đồng *(Bảy triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm chín mươi bốn đồng)*. Kể từ ngày 05/9/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, bà Nguyễn Thị R còn phải chịu các khoản tiền lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng từng lần số 369/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020.

4. Trường hợp bà Nguyễn Thị R không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án cho Ngân hàng K có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm đã được bà Nguyễn Thị R thế chấp tại Ngân hàng K theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1017/18/HĐTC-BĐS/2502-7411 ngày

28/11/2018, thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 141, 142, tờ bản đồ số 26 (ĐC), diện tích 896 m^2 tọa lạc tại Thôn S, xã H, huyện B, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 659395 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 12/8/2010 đứng tên ông Lê Văn N5, bà Nguyễn Thị T2, đăng ký biến động sang tên ông Phạm Quốc T1 ngày 02/10/2018. Tài sản bảo đảm đã đăng ký thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 126/17/HĐTC-BĐS/2502-6263 ngày 11/5/2017, thế chấp cho ngân hàng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 102, diện tích 3.526 m^2 tọa lạc tại thôn D, xã H, huyện N, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 715879 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 02/12/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị R; thửa đất số 22, tờ bản đồ số 102, diện tích 2.945 m^2 tọa lạc tại thôn D, xã H, huyện N, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 715878 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 02/12/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị R. Tài sản bảo đảm đã đăng ký thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật để thu hồi toàn bộ khoản nợ còn lại. Trường hợp sau khi xử lý các tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, bà Nguyễn Thị R có nghĩa vụ liên đới tiếp tục phải trả cho Ngân hàng K toàn bộ khoản nợ còn lại cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Đối với các chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng)* mà Ngân hàng K đã tạm ứng để chi phí việc xem xét, thẩm định tại chỗ, đề nghị Tòa án tuyên buộc những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị R phải trả lại cho Ngân hàng K.

Theo lời trình bày của bị đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

Ngày 23/4/2020 Ngân hàng K ký kết với bà Nguyễn Thị R hợp đồng tín dụng từng lần số 386/20/HĐTD/2502-9031. Căn cứ hợp đồng ký kết, ngày 23/4/2020 Ngân hàng giải ngân cho bà Nguyễn Thị R vay số tiền 135.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng)*, lãi suất trong hạn thỏa thuận tại thời điểm vay là 13,1%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng, đến hạn trả nợ là ngày 23/4/2021, lãi suất trả theo kỳ 03 tháng/ lần; nợ gốc trả cuối kỳ.

Ngày 23/4/2020 Ngân hàng K ký kết với bà Nguyễn Thị R hợp đồng tín dụng từng lần số 369/20/HĐTD/2502-9031. Căn cứ hợp đồng ký kết, ngày 23/4/2020 Ngân hàng giải ngân cho bà Nguyễn Thị R vay số tiền 380.000.000 đồng *(Ba trăm tám mươi triệu đồng)*, lãi suất trong hạn thỏa thuận tại thời điểm vay là 11,3%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng, đến hạn trả nợ là ngày 23/4/2021, lãi suất trả theo kỳ 06 tháng/ lần; nợ gốc trả cuối kỳ.

Ngày 23/4/2020 Ngân hàng K ký kết với bà Nguyễn Thị R hợp đồng tín dụng từng lần số 370/20/HĐTD/2502-9031. Căn cứ hợp đồng ký kết, ngày 23/4/2020 Ngân hàng giải ngân cho bà Nguyễn Thị R vay số tiền 285.000.000 đồng *(Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng)*, lãi suất trong hạn thỏa thuận tại thời điểm vay là 11,3%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng, đến hạn trả nợ là ngày 23/4/2021, lãi suất trả theo kỳ 06 tháng/ lần; nợ gốc trả cuối kỳ.

Tuy nhiên, trên thực tế bà Nguyễn Thị R chỉ vay của Ngân hàng K khoản vay theo hợp đồng tín dụng từng lần số 386/20/HĐTD/2502-9031 và đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020. Đối với 02 khoản vay còn lại bà Nguyễn Thị R cho rằng bà đứng tên trên hợp đồng để vay giùm cho ông Lê Giáp N4, bà không nhận tiền của các khoản vay này.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên bà Nguyễn Thị R có ký kết với Ngân hàng các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 126/17/HĐTC-BĐS/2502-6263 ngày 11/5/2017, thế chấp cho ngân hàng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 102, diện tích 3.526 m^2 tọa lạc tại thôn D, xã H, huyện N, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 715879 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 02/12/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị R; thửa đất số 22, tờ bản đồ số 102, diện tích 2.945 m^2 tọa lạc tại thôn D, xã H, huyện N, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 715878 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 02/12/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị R. Tài sản bảo đảm đã đăng ký thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1017/18/HĐTC-BĐS/2502-7411 ngày 28/11/2018, thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 141, 142, tờ bản đồ số 26 (ĐC), diện tích 896 m^2 tọa lạc tại Thôn S, xã H, huyện B, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 659395 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 12/8/2010 đứng tên ông Lê Văn N5, bà Nguyễn Thị T2, đăng ký biến động sang tên ông Phạm Quốc T1 ngày 02/10/2018. Tài sản bảo đảm đã đăng ký thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật. Thửa đất này là tài sản của ông Lê Giáp N4 ký kết để bảo đảm cho nghĩa vụ 02 khoản vay mà bà R đã đứng tên vay giùm cho ông N4.

Nay bị đơn chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng K số tiền còn nợ theo theo hợp đồng tín dụng từng lần số 386/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020, số tiền tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 213.346.973 đồng *(Hai trăm mười ba triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng)*, trong đó: số tiền nợ gốc là 135.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng)*; tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 78.346.973 đồng *(Bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng)*; Kể từ ngày 05/9/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, bà Nguyễn Thị R còn phải chịu các khoản tiền lãi theo thỏa thuận tại

hợp đồng tín dụng từng lần số 386/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng từng lần số 386/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020. Bị đơn đồng ý để Ngân hàng K phát mãi các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Trường hợp bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ đối với khoản vay theo theo hợp đồng tín dụng từng lần số 386/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020. Đề nghị Ngân hàng K trả lại cho bị đơn các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 715879 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 02/12/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị R; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 715878 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 02/12/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị R.

Đối với số tiền theo yêu cầu của 02 khoản vay còn lại đề nghị ông Lê Giáp N4 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng K.

Tại phiên tòa, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trình bày chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên đề nghị Ngân hàng ưu tiên xử lý tài sản bảo đảm của ông Phạm Quốc T1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Quốc T1 trình bày:

Ngày 28/11/2018 ông có ký kết với Ngân hàng K hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1017/18/HĐTC-BĐS/2502-7411, thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 141, 142, tờ bản đồ số 26 (ĐC), diện tích 896 m^2 tọa lạc tại Thôn S, xã H, huyện B, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 659395 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 12/8/2010 đứng tên ông Lê Văn N5, bà Nguyễn Thị T2, đăng ký biến động sang tên ông Phạm Quốc T1 ngày 02/10/2018 để đảm bảo cho các khoản vay của bà Nguyễn Thị R tại Ngân hàng K.

Nay ông đồng ý để Ngân hàng xử lý các tài sản bảo đảm đã đăng ký thế chấp nói trên tại Ngân hàng để thu hồi nợ, ông không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Giáp N4 trình bày:

Ông không thống nhất với lời khai của bị đơn, thời điểm bà Nguyễn Thị R ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng K, ông là Giám đốc chi nhánh của Ngân hàng K ký kết các hợp đồng tín dụng với bà R, không có việc ông nhờ bà R đứng tên vay giùm tiền.

Đối với các yêu cầu của Ngân hàng ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục từ khi thụ lý đến khi xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành, vi phạm Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng K với bà Nguyễn Thị R là tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật. Bà R cho rằng bà đứng tên vay giùm cho ông Lê Giáp N4 02 khoản vay, tuy nhiên bà R không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Ông Lê Giáp N4 không thừa nhận việc nhờ bà R đứng tên trong các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng K để vay tiền. Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 298, 323, 615 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Lê Thanh N – sinh năm 1990; ông Lê Trung N1 – sinh năm 1992; ông Lê Quốc N2 – sinh năm 1994, ông Lê Anh N3 – sinh năm 1997 là hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị R phải chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc, tiền lãi cho Ngân hàng Kiên Long trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị R để lại. Tạm tính đến ngày 23/01/2024 là 1.231.745.785 đồng (gốc 800.000.000 đồng, lãi trong hạn là 37.469.562 đồng, lãi quá hạn là 383.959.334 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 10.316.962 đồng). Lãi suất tính tiếp cho đến khi trả nợ hết theo hợp đồng tín dụng và theo khế ước nhận nợ.

Trường hợp bị đơn không trả hoặc trả không đầy nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền mãi tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng K và căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Tại thời điểm khởi kiện, theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trong hợp đồng tín dụng đã ký kết thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại xã Hàm Thạnh, huyện Hàm Thuận Nam. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân

dân khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng.

[1.1] Về xét xử vắng mặt: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quốc T1, ông Lê Giáp N4 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng K yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị R và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị R phải trả các khoản tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo hợp đồng tín dụng từng lần số 386/20/HĐTD/2502-9031 và đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020, số tiền vay 135.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng)*, lãi suất trong hạn thỏa thuận tại thời điểm vay là 13,1%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng, đến hạn trả nợ là ngày 23/4/2021, lãi suất trả theo kỳ 03 tháng/ lần; nợ gốc trả cuối kỳ.

Theo hợp đồng tín dụng từng lần số 369/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân số tiền vay 380.000.000 đồng *(Ba trăm tám mươi triệu đồng)*, lãi suất trong hạn thỏa thuận tại thời điểm vay là 11,3%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng, đến hạn trả nợ là ngày 23/4/2021, lãi suất trả theo kỳ 06 tháng/ lần; nợ gốc trả cuối kỳ.

Theo hợp đồng tín dụng từng lần số 370/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020, số tiền vay 285.000.000 đồng *(Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng)*, lãi suất trong hạn thỏa thuận tại thời điểm vay là 11,3%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm. Thời hạn vay là 12 tháng, đến hạn trả nợ là ngày 23/4/2021, lãi suất trả theo kỳ 06 tháng/ lần; nợ gốc trả cuối kỳ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị R thừa nhận có ký kết với Ngân hàng K các hợp đồng tín dụng nêu trên. Mặc dù, bà R cho rằng thực tế bà chỉ vay số tiền 135.000.000 đồng, đối với số tiền 665.000.000 đồng, bà chỉ đứng tên, ký kết hợp đồng để vay giùm cho ông Lê Giáp N4. Tuy nhiên, ông Lê Giáp N4 không thừa nhận việc nhờ bà R ký kết các hợp đồng tín dụng để vay giùm tiền; bà R không cung cấp chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh nội dung như bà R trình bày. Xét thấy, việc ký kết các hợp đồng tín dụng là dựa trên sự tự nguyện giữa các bên, bị đơn thừa nhận có ký kết với Ngân hàng K hợp đồng tín dụng từng lần số 369/20/HĐTD/2502-9031; hợp đồng tín dụng từng lần số 370/20/HĐTD/2502-9031; hợp đồng tín dụng

từng lần số 386/20/HĐTD/2502-9031; hơn nữa, việc thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị R với ông Lê Giáp N4 (nếu có) thì cũng là giao dịch dân sự khác do vậy nếu các bên liên quan không thỏa thuận giải quyết được thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo trình tự thủ tục mà pháp luật quy định.

Tại phiên toà, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị R đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện, ý kiến của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4, Điều 20 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hội đồng xét xử xét thấy, đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng K buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị R phải liên đới trách nhiệm trả tiền cho nguyên đơn (trong phạm vi di sản do bà Rớt để lại) đối với các khoản sau:

- Số tiền 213.346.973 đồng *(Hai trăm mười ba triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng)*, trong đó: số tiền nợ gốc là 135.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng)*; tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 78.346.973 đồng *(Bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng)* theo hợp đồng tín dụng từng lần số 386/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020.

- Số tiền 692.230.446 đồng *(Sáu trăm chín mươi hai triệu hai trăm ba mươi nghìn bốn trăm bốn mươi sáu đồng)*, trong đó số tiền nợ gốc là 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng)*; tiền lãi trong hạn là 21.411.178 đồng *(Hai mươi mốt triệu bốn trăm mười một nghìn một trăm bảy mươi tám đồng)*; tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 281.462.877 đồng *(Hai trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng;* tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 9.356.392 đồng *(Chín triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi hai đồng)* theo hợp đồng tín dụng từng lần số 369/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020.

- Số tiền 519.172.835 đồng *(Năm trăm mười chín triệu một trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm ba mươi lăm đồng)*, trong đó số tiền nợ gốc là 285.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng)*; tiền lãi trong hạn là 16.058.384 đồng *(Mười sáu triệu không trăm năm mươi tám nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng)*; tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 211.097.158 đồng *(Hai trăm mười một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn một trăm năm mươi tám đồng);* tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 7.017.294 đồng *(Bảy triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm chín mươi bốn đồng)* theo hợp đồng tín dụng từng lần số 369/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020.

Kể từ ngày 05/9/2025, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị R còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng K tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết các khoản tiền còn nợ nói trên theo mức lãi suất đã thoả thuận tại các hợp đồng tín dụng tương ứng.

[2.2] Về tài sản thế chấp: Xét thấy hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1017/18/HĐTC-BĐS/2502-7411 ngày 28/11/2018 được ký kết giữa Ngân hàng K với ông Phạm Quốc T1; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 126/17/HĐTC-BĐS/2502-6263 ngày 11/5/2017 được ký kết giữa Ngân hàng K với bà Nguyễn Thị R được công chứng, đăng ký thế chấp theo quy định tại Điều 95, Điều 167 của Luật Đất đai; Điều 9, Điều 10, Điều 12 của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 19/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Do vậy, căn cứ Điều 299, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 325 của Bộ luật Dân sự; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trường hợp những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Thị R không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hoặc trả không đủ các khoản tiền vay và tiền lãi phát sinh nói trên thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1017/18/HĐTC-BĐS/2502-7411 ngày 28/11/2018; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 126/17/HĐTC-BĐS/2502-6263 ngày 11/5/2017 để thu hồi nợ.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận do đó những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do yêu cầu của Ngân hàng K được Tòa án chấp nhận nên Ngân hàng K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 299, Điều 320, Điều 322, Điều 323, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, 470 và Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Điều 167 của Luật Đất đai;

- Điều 7 và Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng K.

1. Về yêu cầu trả tiền:

1.1. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị R là ông Lê Thanh N, ông Lê Trung N1, ông Lê Quốc N2, ông Lê Anh N3 phải liên đới trách nhiệm trả cho Ngân hàng K các khoản tiền cụ thể như sau:

+ Số tiền nợ gốc là 135.000.000 đồng *(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng)*; tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 78.346.973 đồng *(Bảy mươi tám triệu ba trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng)* - theo hợp đồng tín dụng từng lần số 386/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020 đã được ký kết giữa bà Nguyễn Thị R và Ngân hàng K.

+ Số tiền nợ gốc là 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng)*; tiền lãi trong hạn là 21.411.178 đồng *(Hai mươi mốt triệu bốn trăm mười một nghìn một trăm bảy mươi tám đồng)*; tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 281.462.877 đồng *(Hai trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng;* tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 9.356.392 đồng *(Chín triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi hai đồng)* - theo hợp đồng tín dụng từng lần số 369/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020 kết giữa bà Nguyễn Thị R và Ngân hàng K.

+ Số tiền nợ gốc là 285.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng)*; tiền lãi trong hạn là 16.058.384 đồng *(Mười sáu triệu không trăm năm mươi tám nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng)*; tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 211.097.158 đồng *(Hai trăm mười một triệu không trăm chín mươi bảy nghìn một trăm năm mươi tám đồng);* tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 7.017.294 đồng *(Bảy triệu không trăm mười bảy nghìn hai trăm chín mươi bốn đồng)* - theo hợp đồng tín dụng từng lần số 370/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020 kết giữa bà Nguyễn Thị R và Ngân hàng K.

1.2. Kể từ ngày 05/9/2025, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị R là ông Lê Thanh N, ông Lê Trung N1, ông Lê Quốc N2, ông Lê Anh N3 con phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết các khoản tiền còn nợ nêu trên theo mức lãi suất đã thoả thuận tại các hợp đồng tín dụng tương ứng gồm: hợp đồng tín dụng từng lần số 386/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020; hợp đồng tín dụng từng lần số 369/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020; hợp đồng tín dụng từng lần số 370/20/HĐTD/2502-9031 và Đề nghị giải ngân ngày 23/4/2020 và tài liệu liên quan đến các hợp đồng nói trên được ký kết giữa bà Nguyễn Thị R và Ngân hàng K.

2. Về tài sản thế chấp:

Trường hợp những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị R là ông Lê Thanh N, ông Lê Trung N1, ông Lê Quốc N2, ông Lê Anh N3 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hoặc trả không đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1017/18/HĐTC-BĐS/2502-7411 ngày 28/11/2018; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 126/17/HĐTC-BĐS/2502-6263 ngày 11/5/2017 để thu hồi nợ, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 141, 142, tờ bản đồ số 26 (ĐC), diện tích 896 m^2 tọa lạc tại Thôn S, xã H, huyện B, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 659395 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp ngày 12/8/2010 đứng tên ông Lê Văn N5, bà Nguyễn Thị T2, đăng ký biến động sang tên ông Phạm Quốc T1 ngày 02/10/2018. Tài sản bảo đảm đã đăng ký thế chấp tài sản theo quy định của pháp luật;

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 102, diện tích 3.526 m^2 tọa lạc tại thôn D, xã H, huyện N, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 715879 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 02/12/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị R;

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 102, diện tích 2.945 m^2 tọa lạc tại thôn D, xã H, huyện N, tỉnh B, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 715878 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 02/12/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị R

3. Về chi phí tố tụng:

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị R là ông Lê Thanh N, ông Lê Trung N1, ông Lê Quốc N2, ông Lê Anh N3 phải liên đới chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)*. Tuy nhiên, Ngân hàng K đã tạm ứng để chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng).* Do đó, ông Lê Thanh N, ông Lê Trung N1,

ông Lê Quốc N2, ông Lê Anh N3 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng K số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)* nêu trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành khoản tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

4.1. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị R là ông Lê Thanh N, ông Lê Trung N1, ông Lê Quốc N2, ông Lê Anh N3 phải liên đới chịu số tiền 54.742.507 đồng (*Năm mươi tư triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm lẻ bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Ngân hàng K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng K số tiền 22.562.000 đồng (*Hai mươi hai triệu năm trăm sáu mươi hai ngàn đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0013439 ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng).

5. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ tài sản do bà Nguyễn Thị R để lại nói trên thì ông Lê Thanh N, ông Lê Trung N1, ông Lê Quốc N2, ông Lê Anh N3 (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị R) chỉ phải thực hiện nghĩa vụ tài sản nói trên trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị R để lại (nếu có), trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

6. Quyền kháng cáo: Ngân hàng K, ông Lê Thanh N, ông Lê Trung N1, ông Lê Quốc N2, ông Lê Anh N3 (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị R) có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/09/2025); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Quốc T1, ông Lê Giáp N4 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 11, tỉnh Lâm Đồng;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- THDS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Đỗ Quốc Hội